

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HSST

Ngày: 20-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thu Hương

2. Bà Mai Lương Anh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Hoàng Anh là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2024/HSST ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐST-HS ngày 13-3-2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Đức T**, sinh năm: 1994 tại Hà Nam. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Quan Nha, phường Hòa Mạc, thị xã D, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: số 62B Hoàng Văn Thụ, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1964; có vợ là Lò Thị Nh, sinh năm 1993 và 01 người con sinh năm: 2022.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 10/2017/QĐ-TA ngày 08-5-2017 bị Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Hà Nam áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23-9-2023. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1970; nơi cư trú: số 16/3 đường Trần Khánh Dư, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt*

2- Anh Nguyễn Trường G, sinh năm: 1999; nơi cư trú: số 27/5 đường Yersin, Phường 10, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 5 năm 2022, Bùi Đức T từ Hà Nam vào sinh sống tại 62B Hoàng Văn Thụ, Phường 5, Thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi vào Đ, T hoạt động cho người khác vay tiền để lấy lãi bằng hình thức cho vay góp (sau khi nhận tiền vay, người vay trả gốc và lãi hàng ngày cho đến khi xong khoản vay), số tiền trả mỗi ngày do T ấn định, thời gian vay thường là 21 ngày hoặc 25 ngày; T thu phí dịch vụ, lấy trước tiền trả góp của 02 ngày (ngày đầu và ngày cuối của thời gian trả).

Để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng T sử dụng tài khoản Zalo tên “T” được đăng ký bằng số điện thoại 0587604444 để giới thiệu việc cho vay tiền. Khi người vay liên hệ thì T sẽ trực tiếp kiểm tra chỗ ở, điều kiện kinh tế, khả năng trả nợ của người vay, sau khi thống nhất số tiền vay, các khoản tiền bị trừ (phí dịch vụ, tiền trả góp thu trước) thì bị can T đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền qua tài khoản cho người vay bằng số tài khoản 6262626456789 tại ngân hàng MB Bank do bị can T làm chủ tài khoản; khi người vay trả tiền góp hàng ngày thì cũng đưa trực tiếp hoặc chuyển khoản cho bị can T qua số tài khoản trên.

Quá trình điều tra xác định Bùi Đức T đã cho 02 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970, trú tại: 16/3 Trần Khánh Dư, Phường 8, Thành phố Đ, Lâm Đồng đã vay của bị can T 12 lần. Các khoản vay của chị H, T ấn định lãi suất là 1%/ ngày, tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 18,25 lần, hình thức vay: trả góp trong vòng 25 ngày gồm tiền gốc và lãi, mỗi lần vay T sẽ trừ tiền góp của ngày đầu và ngày cuối của khoản vay và phí dịch vụ, trong trường hợp chị H chưa trả hết tiền góp thì tiền góp được trừ vào tiền vay của lần vay sau, cụ thể:

- Lần 1: Tháng 09/2022, số tiền vay: 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 2.500.000đồng/ngày – Thực nhận 42.500.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 5.000.000 đồng; tiền phí 2.500.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 62.500.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 15.000.000. Số tiền lãi T được thu theo quy định 684.932đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 14.315.068đ.

- Lần 2: Tháng 10/2022, số tiền vay: 80.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 4.000.000đồng/ngày – Thực nhận 68.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 8.000.000 đồng; tiền phí 4.000.000 đồng) đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 100.000.000 đồng. Khoản vay này kèm phí là 24.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 1.095.890đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 22.904.110đ. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 24.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 1.095.890đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 22.904.110đ

- Lần 3: Tháng 11/2022, số tiền vay: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 5.000.000đồng/ngày – Thực nhận 85.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 10.000.000 đồng; tiền phí 5.000.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 24 ngày số tiền: 120.000.000 đồng còn số tiền 01 ngày góp trừ vào khoản vay kế tiếp. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 30.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 1.369.863đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 28.630.137đ.

- Lần 4: Tháng 11/2022, số tiền vay: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 5.000.000đồng/ngày – Thực nhận 85.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 10.000.000 đồng; tiền phí 5.000.000 đồng, 01 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 5.000.000đồng) đã trả được gốc và lãi 20 ngày số tiền: 100.000.000 đồng). Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 30.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 1.369.863đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 28.630.137đ.

- Lần 5: Tháng 12/2022, số tiền vay: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 5.000.000đồng/ngày – Thực nhận 60.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 10.000.000 đồng; tiền phí 5.000.000 đồng, 05 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 25.000.000đồng), đã trả được gốc và lãi 24 ngày số tiền: 120.000.000 đồng). Còn số tiền góp 01 ngày chuyển qua khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 30.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 1.369.863đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 28.630.137đ.

- Lần 6: Tháng 01/2023, số tiền vay: 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 5.000.000đồng/ngày – Thực nhận 85.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 10.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ; 01 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 5.000.000đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 125.000.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 25.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 1.369.863đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 23.630.137đ.

- Lần 7: Tháng 01/2023, số tiền vay: 150.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 7.500.000đồng/ngày – Thực nhận 135.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 15.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ;) đã trả được gốc và lãi 15 ngày số tiền: 115.500.000 đồng còn số tiền 10 ngày góp trừ vào lần vay sau. Tiền T thu lợi được của

khoản vay này kèm phí là 37.500.000đ, số tiền lãi T được thu theo quy định 2.054.795đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 35.445.205đ.

- Lần 8: Tháng 02/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 10.000.000đồng/ngày – Thực nhận 105.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 20.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ; trừ 10 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 75.000.000đồng), đã trả được gốc và lãi 15 ngày số tiền: 150.000.000 đồng, còn số tiền 10 ngày góp trừ vào khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 50.000.000đ. Số tiền lãi T được thu theo quy định 2.739.726đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 47.260.274đ.

- Lần 9: Tháng 03/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 10.000.000 đồng/ngày – Thực nhận 80.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 20.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ; trừ 10 ngày góp còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 100.000.000đồng, đã trả được gốc và lãi 19 ngày số tiền: 190.000.000 đồng) còn số tiền 06 ngày góp trừ vào khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 50.000.000đ. Số lãi mà T được thu theo quy định 2.739.726đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 47.260.274đ.

- Lần 10: Tháng 03/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 10.000.000đồng/ngày – Thực nhận 120.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 20.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ; trừ 06 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 60.000.000đồng), đã trả được gốc và lãi 10 ngày số tiền: 100.000.000 đồng) còn số tiền 15 ngày góp trừ vào khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 50.000.000đ. Số lãi mà T được thu theo quy định 2.739.726đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 47.260.274đ

- Lần 11: Tháng 04/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 10.000.000đồng/ngày – Thực nhận 30.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 20.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ; trừ 15 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 150.000.000đồng) đã trả được gốc và lãi 12 ngày số tiền: 120.000.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 50.000.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 2.739.726đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 47.260.274đ.

- Lần 12: Tháng 04/2023, số tiền vay: 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 10.000.000đồng/ngày – Thực nhận 50.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 20.000.000 đồng; không trừ phí dịch vụ; trừ 13 ngày còn nợ ở khoản vay trước số tiền: 130.000.000đồng) đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 250.000.000 đồng). Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 50.000.000đ. Số lãi mà T được thu theo quy định 2.739.726đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 47.260.274đ.

Tổng số tiền gốc bị can T cho chị H vay là 1.680.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính: 418.166.667 đồng, lãi suất 365%/năm/khoản vay (Bút lục: 127-202, 213-253)

2. Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1999, Địa chỉ: 27/5 Yersin, Phường 10, Thành phố Đ, Lâm Đồng đã vay của bị can T 14 lần, T ấn định lãi suất cho vay là 1%/ngày tương đương 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 18,25 lần, thời gian trả góp là 25 ngày. Mỗi lần vay, T trừ tiền góp của ngày đầu và ngày cuối khoản vay và phí dịch vụ.

- Lần 1: Tháng 06/2022, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 2: Tháng 07/2022, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 3: Tháng 09/2022, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng). Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 4: Tháng 10/2022, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 5: Tháng 11.2022, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng). Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ.

- Lần 6: Tháng 11.2022, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000đồng, đã trả được gốc và lãi 15 ngày số tiền: 3.750.000 đồng) còn số tiền 10 ngày góp chuyển qua khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của

khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 7: Tháng 12/2022, số tiền vay: 10.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 500.000 đồng/ ngày – Thực nhận 6.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.000.000 đồng, tiền phí: 1.000.000đồng, trừ 08 ngày góp ở khoản vay trước 2.000.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 12.250.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 13.500.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 136.986đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 3.363.014đ

- Lần 8: Tháng 02/2023, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000đồng), đã trả được gốc và lãi 18 ngày số tiền: 4.500.000 đồng) còn 07 ngày góp chuyển qua khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 9: Tháng 02/2023, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 2.250.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000đồng, trừ 07 ngày nợ ở khoản vay trước 1.750.000 đồng) đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 10: Tháng 03/2023, số tiền vay: 10.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 500.000 đồng/ ngày – Thực nhận 6.250.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.000.000 đồng, tiền phí: 1.000.000đồng, trừ 07 ngày nợ ở khoản vay trước 1.750.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 18 ngày số tiền: 9.000.000 đồng còn số tiền 07 ngày góp chuyển qua khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 13.500.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 136.986đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 3.363.014đ

- Lần 11: Tháng 04/2023, số tiền vay: 10.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 500.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.500.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.000.000 đồng, tiền phí: 1.000.000 đồng, trừ 07 ngày nợ ở khoản vay trước 3.500.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 18 ngày số tiền: 9.000.000đ đồng) còn 07 ngày góp chuyển qua khoản vay sau. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 13.500.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 136.986đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 3.363.014đ

- Lần 12: Tháng 05/2023, số tiền vay: 10.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 500.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.500.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.000.000 đồng, tiền phí: 1.000.000đồng, trừ 07 ngày nợ ở khoản vay trước 3.500.000

đồng, đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 12.250.000 đồng). Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 13.500.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 136.986đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 3.363.014đ

- Lần 13: Tháng 06/2023, số tiền vay: 5.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 250.000 đồng/ ngày – Thực nhận 4.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 500.000 đồng, tiền phí: 500.000 đồng, đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 6.250.000 đồng). Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 6.750.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 68.493đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 1.681.507đ

- Lần 14: Tháng 07/2023, số tiền vay: 10.000.000 đồng, thời hạn vay: 25 ngày, số tiền trả góp 500.000 đồng/ ngày – Thực nhận 8.000.000 đồng (trừ tiền góp 02 ngày 1.000.000 đồng, tiền phí: 1.000.000 đồng), đã trả được gốc và lãi 25 ngày số tiền: 12.250.000 đồng. Tiền T thu lợi được của khoản vay này kèm phí là 13.500.000đ. Số tiền lãi mà T được thu theo quy định 136.986đ, số tiền lãi thu lợi bất chính 31.948.630đ. (Bút lục: 127-202, 213-253)

Tổng số tiền gốc bị can T cho anh G vay là 95.000.000 đồng, Tổng số tiền thu lợi bất chính: 31.948.630 đồng, mức lãi suất là: 365%/tháng/khoản vay.

Tang vật tạm giữ:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone Samsung GalaxyA20s màu đen có số IMEI1: 358244105371209, IMEI2: 358245105371206 (đã qua sử dụng).

- 01 thẻ căn cước công dân số 035094003237 mang tên Bùi Đức T.

- 01 bộ máy tính bàn gồm 01 CPU VSP OMG màu đen, 01 màn hình máy tính hiệu VSP màu đen.

Tại bản Cáo trạng số: 61/Ctr-VKS ngày 18 tháng 01 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố Bùi Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận diễn biến vụ việc đúng như bản Cáo trạng và không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 2 Điều 20; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Đức T từ 18 đến 24 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan tiến hành tố tụng tại giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Trường G vắng mặt. Xét việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo thủ tục chung.

[3] Đánh giá về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vật chứng thu giữ và cáo trạng nên có cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ tháng 06/2022 cho đến tháng 9/2023, Bùi Đức T cho bà Nguyễn Thị Hành và anh Nguyễn Trường G nhiều lần vay tiền. Cụ thể cho bà Nguyễn Thị H vay 12 lần với tổng số tiền dùng để cho vay là 1.680.000.000 đồng; cho anh Nguyễn Trường G vay 14 lần với tổng số tiền dùng để cho vay là 95.000.000 đồng; tổng số tiền dùng để cho bà H và anh G vay là 1.775.000.000 đồng. Quá trình cho vay, Bùi Đức T đã cho bên vay tiền vay với mức lãi suất tương ứng là 365%/năm; thu lợi bất chính của 02 người vay tổng số tiền là 450.434.932 đồng. Xét thấy, bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm đến trật tự quản lý của nhà nước về hoạt động tín dụng nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi cho vay với mức lãi suất cao hơn gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự như hành vi đã nêu trên, nhằm mục đích thu lợi bất chính tiền của người vay nên đủ yếu tố “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” được quy định tại Điều 201 Bộ luật hình sự; quá trình cho vay bị cáo thừa nhận và cơ quan điều tra chứng minh được bị cáo thu lợi bất chính với số tiền 450.434.932 đồng nên thuộc trường hợp định khung hình phạt tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 (*Phạm tội mà thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên*) Điều 201 Bộ luật hình sự như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Đánh giá về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng, trong đó có 06 lần thu lợi bất chính với số tiền trên 30.000.000 đồng nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá về hình phạt:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tính chất mức độ của hành vi phạm tội là tuy ít nghiêm trọng, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến

khách thể là trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân mà còn gây bất ổn cho xã hội, tiềm ẩn những nguy cơ phát sinh những loại tội phạm khác. Qua xem xét thấy rằng, nguyên nhân phạm tội của bị cáo xuất phát từ mong muốn lười lao động, làm giàu bất chính, mặc dù các phương tiện truyền thông liên tục tuyên truyền, lên án về hậu quả, hệ lụy của hành vi cho vay lãi nặng nhưng bị cáo không lấy đó làm gương, cảnh tỉnh mà còn liên kết với các đối tượng từ nơi khác, không phải trên địa bàn thành phố Đ để cho vay, gây bất ổn cho hoạt động kinh tế và đời sống của người dân địa phương; bên cạnh đó nhân thân bị cáo từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, vì vậy nếu để bị cáo sinh sống ngoài cộng đồng sẽ gây nguy hiểm cho xã hội nên cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian thích hợp nhằm cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội đối với hoạt động tín dụng đen như hành vi mà bị cáo thực hiện.

[6] Đánh giá về các biện pháp tư pháp:

[6.1.] Về xử lý xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra công an thành phố Đ đã thu giữ của bị cáo Bùi Đức Tâm và chuyển sang Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ những vật chứng bao gồm:

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A20s màu đen có số IMEI 1: 358244105371209, IMEI 2: 358245105371206 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) thu giữ của bị cáo Bùi Đức T, điện thoại này bị cáo sử dụng để hoạt động phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

+ 01 (Một) bộ máy tính bàn gồm: 01 (một) CPU hiệu VSP OMG! Màu đen, 01 (một) màn hình máy tính hiệu VSP màu đen (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) thu giữ của bị cáo Bùi Đức T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 035094003237 mang tên Bùi Đức T thu giữ của bị cáo, xét đây là giấy tờ tùy thân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6.2] Về xử lý tiền liên quan đến tội phạm:

- Buộc bị cáo nộp số tiền dùng để cho vay là 1.775.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Truy thu số tiền 24.315.066 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự mà bị cáo đã thu của người vay bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Trường G để sung ngân sách nhà nước.

- Truy thu và buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền thu lợi bất chính 418.166.667 đồng.

- Truy thu và buộc bị cáo có nghĩa vụ trả lại anh Nguyễn Trường G số tiền 31.948.000 đồng thu lợi bất chính.

[7] Đánh giá về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự có quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”, mặc dù mục đích của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm thu lợi làm giàu bất chính, đồng thời tiếp tục dùng tiền thu lợi bất chính để quay vòng cho vay, lẽ ra cần thiết phải phạt bổ sung hình phạt tiền tương ứng với khoản tiền thu lợi bất chính nhằm thu ngân sách cho Nhà nước. Tuy nhiên, do bị cáo đã bị truy thu số tiền liên quan đến việc phạm tội là lớn, đã bị xử lý bằng hình phạt tù, điều kiện kinh tế hiện để thi hành hình phạt bổ sung là không khả thi nên miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội phạm và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Bùi Đức T phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”. Áp dụng khoản khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23-9-2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Bùi Đức T.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Về xử lý vật chứng:

-Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A20s màu đen có số IMEI 1: 358244105371209, IMEI 2: 358245105371206 (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong) thu giữ của bị cáo Bùi Đức T, điện thoại này bị cáo sử dụng để hoạt động phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

-Trả lại cho bị cáo Bùi Đức T:

+ 01 (Một) bộ máy tính bàn gồm: 01 (một) CPU hiệu VSP OMG! Màu đen, 01 (một) màn hình máy tính hiệu VSP màu đen (Đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong). Tiếp tục tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

+ 01 (Một) Căn cước công dân số 035094003237 mang tên Bùi Đức T.

(Toàn bộ vật chứng được bàn giao theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 19-01-2024 giữa Công an thành phố Đ và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ)

3.2. Về xử lý tiền liên quan đến tội phạm:

- Buộc bị cáo Bùi Đức T nộp số tiền 1.775.000.000 đồng và số tiền 24.315.066 đồng để sung quỹ nhà nước.
- Truy thu và buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 418.166.667 đồng.
- Truy thu và buộc bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Trường G số tiền 31.948.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Đức T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

5. Về nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Chi cục THADS thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Bộ phận Thi hành án hình sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Hoàn

